

Bản án số:16/2020/DS-ST

Ngày: 12/5/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Tướng Ngọc Tuấn**

Hội thẩm nhân dân:

Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

Thư ký phiên toà: Ông **Tô Mạnh Hà** – Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Ly** –
Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2020, tại trụ sở TAND huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ
thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 26/2020/TLST-DS ngày 02/3/2020
về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
05/2020/QĐXX –DS ngày 23/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank);
Địa chỉ: Số 191 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà
Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh – Chức vụ: Chủ tịch Hội
đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Việt Tuấn (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1980

2.2. Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1984

Đều trú tại: Thôn Đông Tiến, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Bùi Hữu B**, sinh năm 1958

3.2. Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1960

3.3. Anh **Bùi Hà P**, sinh năm 1986

3.4. Anh **Bùi Anh T**, sinh năm 1988

Đều trú tại: Thôn Xuân Thủy, xã Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội.

3.5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962

3.6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967

3.7. Chị Nguyễn Thị Kim Y sinh năm 1989

3.8. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1991

3.9. Anh Nguyễn Văn Q sinh năm 1994

Đều trú tại: Thôn Đông Tiến, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án và quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa; Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

1. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Gọi tắt là Techcombank) ký kết Hợp đồng tín dụng với vợ chồng ông Bùi Văn T và bà Trần Thị T, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 3061/HĐTD/TH-TN/TCB-HTY-NGG ngày 08/7/2011. Nội dung cụ thể:

- Số tiền vay: 2.200.000.000 đồng (*Hai tỉ hai trăm triệu đồng chẵn*);
- Mục đích vay vốn: Mua nhà
- Thời hạn vay: 300 tháng;
- Lãi suất vay: lãi suất linh hoạt: lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 31/12/2011 là 23 %/năm và lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/ 1 lần vào các ngày 02/01, 01/4, 01/7, 01/10 và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả lãi sau của Techcombank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 7 %/ năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng tại từng thời kỳ.

Sau đó ông T, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi. Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị T đã trả:

- + Trả nợ gốc: 51,331,000 đồng
- + Nợ lãi đã trả: 296,365,232 đồng
- + Tổng số tiền đã trả: 347,696,232 đồng.

Như vậy vợ chồng ông T và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Techcombank đã nhiều lần thông báo yêu cầu vợ chồng ông T và bà T trả nợ nhưng không kết quả.

- Về yêu cầu nghĩa vụ trả nợ:

Tại phiên tòa đại diện ngân hàng Techcombank rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Rút yêu cầu về tiền phạt vi phạm hợp đồng là 176.000.000đ và lãi phạt quá hạn chưa trả là 2.508.234.024đ đồng cùng lãi phạt phát sinh từ 15/02/2020.

Techcombank yêu cầu ông Bùi Văn T và bà Trần Thị T phải trả cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 12/5/2020 (sau khi đã trừ lãi phạt) như sau:

- Nợ gốc: 2.148.669.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 2.330.830.866 đồng;
- Lãi quá hạn: 721.484.471 đồng
- Tổng nợ: 5.200.984.337 đồng;

Kể từ ngày 13/5/2020 vợ chồng ông T và bà T tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông T, bà T đã thế chấp tài sản bảo đảm gồm:

- Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4379 ngày 12/7/2011 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội. Được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 39, tờ bản đồ số 46, tại địa chỉ Thôn Đông Tiến, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 401382, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01043 QSDĐ/251/QĐ-UB, do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 25/3/2004 cho hộ ông Bùi Hữu Bình;

- Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4344 ngày 11/7/2011 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội. Được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ. Theo đó, tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 48, tại địa chỉ Thôn Đông Tiến, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 170999, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00160 QSDĐ/345/QĐUB do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 28/11/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn Hưng.

Techcombank khẳng định việc ký Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp ông T và bà T không trả được nợ, Techcombank yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết.

II. Bị đơn ông Bùi Văn T, bà Trần Thị T trong vụ án vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đối với ông T và bà T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

III. Ý kiến của những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị Bn xác nhận hộ gia đình bà gồm có: ông Bùi Hữu B, bà Phạm Thị B, anh Bùi Hà P, anh Bùi Anh T có tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng. Nay bà B yêu cầu vợ chồng ông T, bà T trả hết nợ cho Ngân hàng để trả lại Quyền sử dụng đất cho gia đình bà.

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T xác nhận hộ gia đình ông bà gồm: ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Kim Y, chị Nguyễn Thị O, anh Nguyễn Văn Q có tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng. Nay ông H và bà T yêu cầu vợ chồng ông T, bà T trả hết nợ cho Ngân hàng để trả lại Quyền sử dụng đất cho gia đình ông, bà.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ trình bày quan điểm:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia tố tụng để trình bày và bảo vệ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

- Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng là: **5.200.984.337** đồng; trong đó nợ gốc: Nợ gốc: 2.148.669.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.330.830.866 đồng; Lãi quá hạn: 721.484.471 đồng.

- Xác định các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành.

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn rút toàn bộ số tiền phạt vi phạm hợp đồng và lãi phạt chậm trả cùng lãi phạt phát sinh.

Về án phí buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Bùi Văn T và bà Trần Thị T cư trú tại: Thôn Đông Tiến, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội; Việc Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời điểm giao kết HĐTD, HĐTCTS, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

Tại phiên tòa ngày 27/4/2020 vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1.1 Xét tính hiệu lực của **Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 3061/HĐTD/TH-TN/TCB-HTY-NGG ngày 08/7/2011**. Số tiền Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Gọi tắt là Techcombank) cho vợ chồng ông T và bà T vay 2.200.000.000 đồng (*Hai tỉ hai trăm triệu đồng chẵn*). Nội dung của Hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định Hợp đồng tín dụng số **3061/HĐTD/TH-TN/TCB-HTY-NGG ngày 08/7/2011** có hiệu lực pháp luật, các bên có quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng.

2.1.2. Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ gốc, lãi phát sinh của nguyên đơn:

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam đã giải ngân cho ông T và bà T vay đủ số tiền 2.200.000.000 đồng, ông T và bà T đã

nhận đủ. Như vậy Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam đã thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, ông T và bà T mới trả được **51,331,000 đồng** nợ gốc và **296,365,232 đồng** tiền nợ lãi của hợp đồng. Đến nay vợ chồng ông T và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ trả nợ quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết và vẫn chưa thanh toán hết khoản vay trên. Như vậy ông T và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam khởi kiện đề nghị buộc ông T, bà T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, buộc ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam tổng số tiền còn nợ đến ngày 12/5/2020 là 5.200.984.337 đồng đồng. Cụ thể:

- Nợ gốc: 2.148.669.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 2.330.830.866 đồng;
- Lãi quá hạn: 721.484.471 đồng

Kể từ ngày 13/5/2020, ông T, bà T phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc buộc ông T và bà T phải chịu tiền phạt vi phạm hợp đồng và tiền lãi phạt chậm trả.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Đối với yêu cầu đề nghị xử lý khối tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản.

1. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4379 ngày 12/7/2011 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội. Được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ. Theo đó, tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 39, tờ bản đồ số 46, tại địa chỉ Thôn Đồng Tiến, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 401382, vào sổ cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số 01043 QSDĐ/251/QĐ-UB, do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 25/3/2004 cho hộ ông Bùi Hữu Bình.

2. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4344 ngày 11/7/2011 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội. Được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ. Theo đó, tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 48, tại địa chỉ Thôn Đông Tiến, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 170999, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00160 QSDĐ/345/QĐUB do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 28/11/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn H.

Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản thì các bên tham gia ký kết không bị ai ép buộc và trực tiếp ký. Hội đồng xét xử xác định: Các bên khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4379 ngày 12/7/2011 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội và Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4344 ngày 11/7/2011 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Do vậy yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó trường hợp ông Bùi Văn T và bà Trần Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 39, tờ bản đồ số 46, tại địa chỉ Thôn Đồng Tiến, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 401382, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01043 QSDĐ/251/QĐ-UB, do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 25/3/2004 cho hộ ông Bùi Hữu B.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 48, tại địa chỉ Thôn Đông Tiến, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 170999, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00160 QSDĐ/345/QĐUB do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 28/11/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn H.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 thì:

- Ông T, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.200.984 đồng.
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều: 290, 342, 343, 355, 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam T bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 3061/HĐTD/TH-TN/TCB-HTY-NGG ngày 08/7/2011 là tổng số tiền 5.200.984.337 đồng đồng, trong đó gồm:

- Nợ gốc: 2.148.669.000 đồng;

- Lãi trong hạn: 2.330.830.866 đồng;

- Lãi quá hạn: 721.484.471 đồng;

Kể từ ngày 13/5/2020 vợ chồng ông T và bà T tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đình chỉ giải quyết đối với nội dung yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T và bà T phải chịu số tiền vi phạm hợp đồng và số tiền lãi phạt chậm trả.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

3.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông T và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 39, tờ bản đồ số 46, tại địa chỉ Thôn Đồng Tiến, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 401382, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01043 QSDĐ/251/QĐ-UB, do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 25/3/2004 cho hộ ông Bùi Hữu B.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 48, tại địa chỉ Thôn Đông Tiến, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 170999, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00160 QSDĐ/345/QĐUB do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 28/11/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn H.

3.2. Trường hợp sau khi phát mại các tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông T và bà T vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho ngân hàng đến khi thanh toán xong.

4. Về án phí:

4.1. Buộc ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T phải chịu 113.200.984 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Trả lại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam 57.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004576 ngày 28 tháng 2 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Tướng Ngọc Tuấn

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tiến Lợi

Nguyễn Thị Liên

Tướng Ngọc Tuấn